

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 08-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Thập
2. Ông Hoàng Văn Châm

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 15/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 26/01/2018 đối với bị cáo:

Lùng Văn A, sinh năm 1970, tại xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: La Chí; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lùng A I (đã chết) và bà Lý Thị K; có vợ là Lùng Thị V và 03 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lùng Văn C, tên gọi khác: Lùng A D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Anh Vũ Duy L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn H, xã O, huyện N, tỉnh Hà Giang. Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Hà Giang; có mặt.

4. Anh Lùng Văn P, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu R, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

6. Anh Hoàng Văn U, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

7. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn E, xã G, huyện N, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N: Ông Phạm Văn X; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 27/4/2017 Lùng Văn A đi xã G để mượn dây thừng về dựng nhà, khi đi qua khu vực lán cam của Hoàng Văn B thôn R, xã G A nhìn thấy trong lán có người nên rẽ vào chơi. Vào đến trong lán A thấy Hoàng Văn B, Lùng Văn C, Vũ Duy L, Lý Văn T, Lùng Văn P, Đặng Văn Đ, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn U đang đánh bạc, A lấy trong người 100.000 đồng tham gia đánh bạc.

Hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa do một người cầm cái đặt 4 quân bài làm bằng tre lên đĩa, đẩy một chiếc bát sứ lên, khi người cầm cái xóc xong thì những người chơi bắt đầu đặt cược tiền. Phía bên phải người xóc cái quy định là cửa chẵn, bên trái là cửa lẻ, khi người chơi đặt cược tiền xong thì người cầm cái mở bát, nếu thấy có 4 quân đen, 4 quân trắng hoặc 2 quân đen, 2 quân trắng là cửa chẵn, còn 1 quân trắng, 3 quân đen hoặc 3 quân trắng, 1 quân đen là cửa lẻ. Số tiền đánh từng ván do người chơi tự thỏa thuận với nhau nhưng từ 10.000 đồng trở lên và số tiền người chơi đặt cửa thắng được trả tương ứng với số tiền đã đặt cược. A đánh được 4 đến 5 ván, trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 phút thì thua hết tiền, xin Lùng Văn C là em trai cho 100.000 đồng rồi đi xã G, ngày hôm sau A đi Hà Nội làm thuê, sau này được gia đình cho biết tin A bị truy nã, ngày 07/12/2017 A đến Công an phường Q, quận U, Hà Nội đầu thú.

Quá trình điều tra chứng minh được tổng số tiền Đặng Văn Đ, Vũ Duy L, Lùng Văn C, Lùng Văn P, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn U, Hoàng Văn B, Lùng Văn A, Lý Văn T dùng để đánh bạc ngày 27/4/2017 là 7.550.000 đồng, bao gồm 3.400.000 đồng thu tại chiếu bạc, 3.900.000 đồng thu giữ trên người của Vũ Duy L, 100.000 đồng Lùng Văn C lấy từ tiền đánh bạc cho Lùng Văn A, 150.000 đồng Nguyễn Văn Q cầm theo lúc chạy trốn đã tiêu hết.

Hành vi đánh bạc của Đặng Văn Đ, Vũ Duy L, Lùng Văn C, Lùng Văn P, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn U đã bị Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Giang đưa ra xét xử, tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 22/9/2017. Hoàng Văn B, Lùng Văn A, Lý Văn T sau khi phạm tội đi làm ăn ở địa phương khác, không rõ địa chỉ, Cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý sau. Số tiền dùng để đánh bạc đã xử lý 7.450.000 đồng, còn lại 100.000 đồng Lùng Văn A mang theo.

Tại bản cáo trạng số 02/KSĐT-TA ngày 15/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lùng Văn A về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lùng Văn A phạm tội Đánh bạc; áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Lùng Văn A từ 04 đến 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng; áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, truy thu Lùng Văn A 100.000 đồng tiền đánh bạc của Lùng Văn C cho để sung quỹ nhà nước; không xem xét trách nhiệm dân sự; không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc hộ gia đình nghèo; áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí lời luận tội của Viện kiểm sát, nhận thấy hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Khi bị bắt quả tang hành vi đánh bạc của một số đối tượng khác, bị cáo đi làm thuê ở địa phương khác, không rõ địa chỉ, cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý sau. Do đó, một số tài liệu được Điều tra viên sao lục từ vụ án trước để làm cơ sở giải quyết trong vụ án này là phù hợp pháp luật.

[2] Về hành vi đánh bạc của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 15 giờ 15 phút ngày 27/4/2017 tại lán cam của Hoàng Văn B thuộc thôn R, xã G, huyện N, tỉnh Hà Giang, bị cáo đã cùng Hoàng Văn B, Đặng Văn Đ, Vũ Duy L, Lùng Văn C, Lùng Văn P, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn U, Lý Văn T thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 7.550.000 đồng; tuy bị cáo dùng số tiền đánh bạc là 100.000 đồng, nhưng đã cùng đánh bạc với 08 đối tượng trên, nên cùng phải chịu trách nhiệm chung với 08 đối tượng về số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.550.000 đồng. Số tiền này đã thỏa mãn định lượng cấu thành tội phạm theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng” và khoản 1 Điều 321 Bộ luật

Hình sự năm 2015 “Từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lùng Văn A phạm tội Đánh bạc. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về điều luật áp dụng và hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến nếp sống văn minh, trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự tại địa phương, đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản,... Để ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm này, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Về định lượng cấu thành tội thì khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định từ 5.000.000 đồng cao hơn so với khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là từ 2.000.000 đồng, như vậy về định lượng theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn. Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 nên cần áp dụng cả khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội bột phát, thấy người khác đánh bạc cùng tham gia, đánh bạc với số tiền ít 100.000 đồng, chơi được 04 đến 05 ván thua hết tiền rồi nghỉ. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trình độ văn hóa không có, ở vùng sâu, thuộc dân tộc thiểu số, nhận thức về xã hội và pháp luật hạn chế; bị cáo đã ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo bản thân. Do đó, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng, thu nhập thấp

và không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, thuộc hộ gia đình nghèo, sinh sống ở xã vùng III đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 100.000 đồng Lùng Văn C cho bị cáo là tiền đánh bạc do phạm tội mà có cần tịch thu, sung quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, do bị cáo đã sử dụng nên phải truy thu.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lùng Văn A phạm tội Đánh bạc

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14, xử phạt bị cáo Lùng Văn A 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lùng Văn A cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lùng Văn A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Truy thu của bị cáo Lùng Văn A số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn) để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lùng Văn A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo Lùng Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hánh án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện N;
- CA huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- UBND xã M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Quý